

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CTCP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Ngày 23/09/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK Tp.HCM) đã cấp Quyết định Niêm yết số 367/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống nhất trên SGDCK Tp.HCM. Theo dự kiến ngày 03/10/2014, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống nhất sẽ chính thức giao dịch trên SGDCK Tp.HCM với mã chứng khoán là GTN với giá tham chiếu là 10.500 đồng/cổ phiếu và biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20%.

Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK Tp.HCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động trong thời gian qua.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất

Tên tiếng Anh: Thong Nhat Production and Investment Joint Stock Company

Trụ sở chính: Tầng 2, tháp CEO, lô HH2 – 1 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 – 4) 627 66366

Fax: (84 – 4) 627 66466

Website: www.thongnhatcorp.vn

CTCP Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là CTCP Khoáng sản và Môi trường Đại Việt được thành lập vào ngày 30/05/2011 theo giấy đăng ký kinh doanh số 0105334948 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội với vốn điều lệ đăng ký ban đầu hơn 80 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 680 tỷ đồng và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Hoạt động của Thống nhất là quản lý vốn góp tại các đơn vị thành viên, đồng thời tham gia sản xuất kinh doanh thông qua hoạt động tại các công ty con với mục tiêu xây dựng một tập đoàn đa ngành hướng tới các lĩnh vực phát triển bền vững và thân thiện môi trường như: ngành tre công nghiệp, nông sản và năng lượng tái sinh và vật liệu mới.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, CTCP Đầu tư và sản xuất Thống Nhất không ngừng phát triển và mở rộng về quy mô, đến thời điểm hiện nay Công ty đã có 06 công ty con và 3 công ty liên kết.

Các Công ty con gồm: Công ty TNHH Nông sản Thống Nhất (tỷ lệ sở hữu 100%), Công ty CP Tre Công nghiệp Thống Nhất (tỷ lệ sở hữu 65%), Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất (tỷ lệ sở hữu 95%), Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung (tỷ lệ sở hữu 90%), Công ty cổ phần Xây dựng Hạ Tầng Thống Nhất (tỷ lệ sở hữu 51%), Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Thống Nhất Miền Trung (tỷ lệ sở hữu 98,36%).

Các Công ty liên kết gồm: Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (tỷ lệ sở hữu 24,86%), Công ty trách nhiệm hữu hạn Thống Nhất (tỷ lệ sở hữu 33,33%), Công ty cổ phần Granite Phú Yên (tỷ lệ sở hữu 48%).

➤ Các lĩnh vực kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh : Căn cứ Giấy CNĐKDN Số 0105334948 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013		Tăng/Giảm Công ty mẹ	6 tháng 2014	
			Công ty mẹ	Hợp nhất		Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	116.711	769.552	806.685	559%	920.713	1.009.903
2	Vốn chủ sở hữu	84.134	708.945	707.625	743%	734.313	730.540
3	Doanh thu thuần	23.570	122.859	122.996	421%	159.253	202.791
4	Lợi nhuận gộp	5.515	19.598	19.684	255%	17.712	28.172
5	Doanh thu tài chính	21	16.951	16.951	82.010%	17.228	17.962
6	Chi phí tài chính	-	2.098	2.098	-	1.160	1.231
7	Lợi nhuận thuần của hoạt động SXKD	5.049	33.097	33.111	556%	32.493	39.213
8	Lợi nhuận khác	-	-	80	-	-	-173
9	Lợi nhuận trước thuế	5.049	33.097	33.191	556%	32.493	31.779
10	Lợi nhuận sau thuế	4.172	24.811	23.491	495%	25.369	23.808
11	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
12	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	7,65%	6,26%	5,93%	-23%	3,52%	3,31%

Nguồn: Bản cáo bạch của GTN

Năm 2013, lợi nhuận của công ty là 23,49 tỷ đồng, tăng 495% so với năm 2012 nguyên nhân do công ty có sự tăng trưởng rất lớn về quy mô tài sản và doanh thu. Bước sang 02 quý đầu năm 2014, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết theo đúng định hướng đã đề ra trong năm 2013 nên doanh thu đạt 202,79 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 23,8 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	2012	2013		Q2/2014	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						

TT	Chỉ tiêu	2012	2013		Q2/2014	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,58	3,51	3,72	1,42	2,18
2	Hệ số thanh toán nhanh	2,10	3,46	3,03	1,42	1,86
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
3	Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	0,28	0,08	0,10	0,20	0,22
4	Nợ dài hạn/ Vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
5	Vòng quay hàng tồn kho	0,75	4,04	2,01	89,15	2,73
6	Vòng quay tổng tài sản	0,31	0,28	0,27	0,19	0,22
Chỉ tiêu khả năng sinh lời						
7	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	17,7%	20,2%	19,1%	15,93%	11,74%
8	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	7,6%	6,3%	5,9%	3,47%	3,26%
9	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5,5%	5,6%	5,1%	2,76%	2,36%
10	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	21,4%	26,9%	26,9%	20,40%	19,34%

Nguồn: Bản cáo bạch của GTN

Các chỉ số thanh toán an toàn ở mức từ 2 đến 4 lần. Cơ cấu nguồn vốn chủ yếu được tài trợ bởi nguồn vốn chủ sở hữu (chiếm đến 90%). Nợ phải trả thấp và Công ty không có nợ dài hạn. Về hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho luôn ở mức nhỏ, năng lực hoạt động liên quan đến sử dụng nguồn vốn lưu động khá tốt và ổn định. Tuy nhiên vòng quay tổng tài sản thấp, do quy mô tài sản lớn và mới được hình thành (tăng gấp 5,6 lần trong năm 2013 và doanh thu, lợi nhuận từ công ty con chỉ mới được hợp nhất từ cuối năm 2013). Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên vốn và tài sản không cao nhưng ở mức ổn định. Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần Công ty mẹ trong 6 tháng năm 2014 có sự giảm nhẹ do Công ty mẹ ghi nhận doanh thu bán hàng khá lớn với mặt hàng phân bón, hoá chất và nông sản, nhưng biên lợi nhuận của những mặt hàng này không cao. Mặt khác, nguyên nhân chỉ tiêu về khả năng sinh lời thấp là do một số công ty con, công ty liên kết của Công ty mới được hợp nhất vào cuối năm 2013 và chưa đến thời điểm ghi nhận doanh thu lớn trong năm 2014.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	2013		6 Tháng 2014	
		Giá trị	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	23.570	122.859	122.996	159.253	202.791
	<i>Doanh thu bán hàng</i>	22.640	21.979	22.124	117.680	156.952
	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	930	-	-	-	4.326
	<i>Doanh thu khai thác khoáng sản</i>		45.000	45.000		

	<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>		55.880	55.880	41.574	41.574
	<i>Giảm trừ</i>		-	-7	-	-61
2	Doanh thu tài chính	21	16.951	16.951	17.228	17.962
3	Thu nhập khác			89	-	1.341
	Tổng doanh thu và thu nhập	23.591	139.810	140.036	176.481	222.094

Nguồn: Bản cáo bạch của GTN

Năm 2012, Công ty chưa có các công ty con, vì vậy không có BCTC hợp nhất năm 2012. Tổng doanh thu và thu nhập của Thống Nhất năm 2013 tăng mạnh so với năm 2012 với mức tăng đạt hơn 116 tỷ tương đương xấp xỉ 493%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc mở rộng quy mô công ty trong năm 2013.

Do việc hợp nhất các công ty con diễn ra vào cuối năm 2013, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của trên BCTC hợp nhất năm 2013 tương đương các chỉ tiêu trên BCTC Công ty mẹ năm 2013. BCTC hợp nhất 6 tháng năm 2014 hợp nhất 6 công ty con..

Sang hai quý đầu năm 2014, Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chủ yếu là từ Doanh thu bán hàng chiếm 79% Tổng doanh thu.

Cơ cấu chi phí

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013		6 tháng 2014	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Giá vốn hàng bán	18.055	103.261	103.312	141.541	174.620
Chi phí tài chính		2.098	2.098	1.160	1.231
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		5	5	92	163
Chi phí bán hàng					1.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	488	1.353	1.426	1.288	4.469
Chi phí khác			9		1.514
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	877	8.286	-1.411	7.125	7.971
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Tổng chi phí	19.419	114.999	105.434	151.114	191.026
% Tổng doanh thu và thu nhập	82%	82%	75%	86%	86%

Nguồn: Bản cáo bạch của GTN

Giá vốn hàng bán là yếu tố cấu thành quan trọng nhất trong Tổng chi phí của doanh nghiệp. Tại Công ty mẹ không có chi phí bán hàng do không trực tiếp tham gia vào khâu phân phối và bán lẻ sản phẩm. Công ty mua hàng nhập khẩu và bán trực tiếp cho các nhà phân phối nên không có chi phí bán hàng. Chi phí tài chính của công ty rất thấp, do cơ cấu nguồn vốn của Công ty chủ yếu từ vốn chủ sở hữu.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Thống Nhất khá nhỏ nếu so sánh với doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2013 chỉ đạt gần 1,35 tỷ đồng, tương

đương với 1,1% doanh thu thuần của doanh nghiệp.

III. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NGÀNH:

1. Vị thế của Công ty trong ngành

So với các công ty khác, Thống Nhất có một số thế mạnh riêng với việc đầu tư vào những doanh nghiệp có sản phẩm tiên phong trên thị trường như Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất – là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tre công nghiệp ở Việt Nam (sau khi hoàn thành việc tái cơ cấu, sáp nhập thương hiệu Tre Thống Nhất trong năm 2014) hoặc CTCP Nhựa Miền Trung – một trong ba doanh nghiệp duy nhất cho đến nay phát triển và sản xuất sản phẩm sợi nhựa cốt thủy tinh FRP, một số doanh nghiệp khác có doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng lớn và ổn định như CTCP Vật liệu xây dựng Thống Nhất miền Trung, Công ty cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng. Mặt khác, các sản phẩm mới của công ty có nhiều tiềm năng và hứa hẹn mang lại sự phát triển bền vững như Công ty Năng Lượng Thống Nhất, Công ty TNHH Nông Sản Thống Nhất.

Với chiến lược hướng tới phát triển trong lĩnh vực có tính bền vững, thân thiện môi trường và có tính xã hội hóa cao như ngành tre, nông sản và năng lượng tái sinh, Thống Nhất đặt mục tiêu góp phần bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo và do đó đã và đang được chính quyền địa phương, tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ, hưởng nhiều ưu đãi. Cụ thể, các sản phẩm tre của Công ty Tre Công Nghiệp được miễn, giảm thuế tiêu dùng ở các nước phát triển. Đó là cơ sở giúp Thống Nhất sẽ tiếp tục phát triển vững chắc trong tương lai.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Khi nền kinh tế càng phát triển, nhận thức của con người về bảo vệ môi trường sống ngày càng được nâng cao và do đó các lĩnh vực hiện tại của Công ty như tre, năng lượng tái tạo, nông sản...sẽ ngày càng phát triển và có nhu cầu cao hơn. Xu thế này đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các nước trên thế giới. Ngành sản xuất tre ép được sự hậu thuẫn lớn từ Chính phủ, tổ chức phi chính phủ và các địa phương. Ở một số nước tiên tiến việc kinh doanh và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường như tre được khuyến khích thông qua ưu đãi thuế. Hiện nay, các sản phẩm tre của Công ty đã và đang được thị trường thế giới chấp nhận ngày càng có nhu cầu nhiều hơn thông qua lượng đơn đặt hàng lớn, liên tục.

Than hoạt tính là một sản phẩm có nhiều lợi ích và ứng dụng trong đời sống và trong sản xuất. Trong khi than hoạt tính Binchotan đã được sử dụng lâu đời ở Hàn Quốc và Nhật Bản, sản phẩm này còn nhiều cơ hội phát triển trên các thị trường xuất khẩu khác như Châu Âu, Bắc Mỹ, ... và có thể ở Việt Nam khi nhu cầu sản phẩm này sẽ gia tăng cùng với ý thức của người dân về tác hại của việc sử dụng than thường.

Là một nước nông nghiệp với nguồn cung nông sản lớn, và nhu cầu nông sản cho sản xuất cao, thị trường nông sản ở Miền Bắc, Miền Trung Việt Nam hiện nay đang bị chi phối bởi các đầu lâu nhỏ lẻ, thiếu vốn, kho bãi và thiếu nhà máy chế biến chất lượng cao. Đây là cơ hội cho các Công ty có khả năng mở rộng về quy mô để trở thành đầu

môi chính, đảm bảo nguồn cung ổn định về giá cả và khối lượng. Với sản lượng nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi rất lớn hiện nay, chi phí vận chuyển, thuế xuất nhập khẩu, rủi ro thương mại là những yếu tố tiềm ẩn trong việc nhập khẩu nông sản. Việc tận dụng thu mua nông sản nội địa sẽ hạn chế được những chi phí trên, mở ra thêm cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành này.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2014		2015		% tăng trưởng	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Doanh thu	1.100	556	2.502	1.189	127%	114%
2	Lợi nhuận sau thuế	110	96	251	219,3	128%	128%
2.1	LNST thuộc CĐ công ty mẹ	102		227		123%	
2.2	LNST thuộc cổ đông thiểu số	8		24		200%	
3	LNST/Doanh thu	10,00%	17,30%	10,00%	18,40%	0,00%	1,10%
4	LNST/VCSH	13,40%	11,90%	25,70%	24,70%	12,30%	12,80%
5	Vốn chủ sở hữu	818	805	977	888	19%	10%
6	Cổ tức		10%		20%		10%

Nguồn: Bản cáo bạch của GTN

- Kế hoạch kinh doanh từ năm 2014 – 2015 được Công ty xây dựng dựa trên những phân tích đánh giá về tình hình thị trường, cũng như kế hoạch kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con. Theo đó từ năm 2014, Công ty đã và đang thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ các lĩnh vực kinh doanh, hoàn thành việc mua bán/sáp nhập các đơn vị kinh doanh trong các ngành chủ chốt tạo ra chuỗi kinh doanh hiệu quả và hướng tới hợp nhất và thống nhất thể mạnh và tiềm lực về Công ty mẹ. Công ty mẹ thực hiện kinh doanh thương mại đồ gia dụng, phân bón, hóa chất; các công ty con sẽ tập trung hoạt động vào 6 lĩnh vực chủ chốt.

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

1 Rủi ro đặc thù

1.1. Thương hiệu

Đối với các ngành có công nghệ sản xuất đơn giản, mức độ rào cản gia nhập ngành thấp như nông sản, thương mại, việc chưa có thương hiệu riêng càng trở thành rủi ro lớn hơn trong gia tăng khả năng phát triển ở giai đoạn này. CTCP Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất đang trong quá trình hợp nhất và tái cấu trúc doanh nghiệp, với các ngành sản xuất như: đồ nội thất từ tre, nông sản, nhựa, sản phẩm của Công ty cũng không có thương hiệu riêng trên thị trường. Vì vậy, công ty sẽ gặp khó khăn nhất định khi đưa sản phẩm ra thị trường

1.2. Quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp

Xác định mục tiêu lâu dài là đa dạng hóa danh mục sở hữu tại các ngành sản xuất xanh, ngành sản xuất có tính bền vững, đồng thời xây dựng một chuỗi các công ty có mối quan hệ hỗ trợ, bổ trợ lẫn nhau trong từng ngành, từng lĩnh vực, Công ty đang chủ động tái cấu trúc mạnh mẽ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Quá trình này yêu cầu: Sự thay đổi lớn về vốn cả trung và dài hạn, khả năng xúc tiến tái cấu trúc (sự thành công trong việc mua lại, sáp nhập các doanh nghiệp đối với Công ty mẹ và cả các công ty thành viên) và khả năng quản trị tổng hợp các công ty thành viên. Yếu tố thành công trong mỗi bước tái cấu trúc đều có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ doanh nghiệp cũng như là rủi ro doanh nghiệp đang phải đối mặt trong quá trình này.

2. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Do đầu tư vào nhiều công ty con, công ty liên kết, Thống Nhất chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu cũng như các rủi ro về hoạt động kinh doanh, nhu cầu đầu tư tại công ty con có thể ảnh hưởng đến việc chia cổ tức và xây dựng kế hoạch kinh doanh của công ty mẹ. Đối với các khoản đầu tư tài chính, rủi ro đối với Thống Nhất là biến động giá cổ phiếu các khoản đầu tư và tính thanh khoản.

Nắm sở hữu tại rất nhiều công ty thành viên với quy mô và tỷ lệ nắm giữ khác nhau vì vậy Thống Nhất sẽ phải đối mặt nhiều thách thức trong quản lý các khoản đầu tư của mình: Chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty thành viên, khả năng đưa dòng tiền tại các công ty thành viên về Công ty mẹ, đối mặt với các xung đột lợi ích với các cổ đông khác tại các công ty trong danh mục đầu tư. Đặc biệt là quyền kiểm soát đối với các công ty này sẽ càng hạn chế hơn đối với những công ty mà Thống Nhất nắm giữ dưới 65% Vốn điều lệ hay quyền biểu quyết.

3. Rủi ro ngành

a) Sản xuất và kinh doanh tre ép công nghiệp

❖ Thị trường

- Đối với sản phẩm nội thất làm từ tre, có giá thành khá cao, việc phát triển dòng sản phẩm này trên thị trường sẽ gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh từ các sản phẩm nội thất bằng các nguyên liệu khác rẻ hơn.

- Trên thế giới, phần lớn các sản phẩm tre ép công nghiệp được cung cấp bởi các nhà cung cấp Trung Quốc, nơi có vùng nguyên liệu lớn, có khả năng cung cấp sản phẩm với số lượng lớn. Việc sản xuất tre ép ở những nơi khác, trong đó có Việt Nam, bị phụ thuộc về thiết bị, công nghệ của đối tác Trung Quốc, Đài Loan, hơn nữa, do chiếm thị phần rất nhỏ, Công ty sẽ chịu sự chi phối về giá thành sản phẩm của đối thủ cạnh tranh, tiềm ẩn nhiều rủi ro về mặt thương mại khi cung cấp sản phẩm này trên thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên hiện tại các sản phẩm chủ đạo của công ty đi vào dòng sản phẩm mà Trung Quốc không làm như tấm lót đường, pallet nên sẽ giảm bớt sự cạnh tranh.

- Do là một ngành mới phát triển do đó thị trường trong nước còn nhỏ (chủ yếu sản phẩm sàn tre và coppha tre) và thị trường nước ngoài hiện có sự chuyển dịch từ tre sang thay thế gỗ. Công ty có thể sẽ gặp rủi ro trong tìm đầu ra cho sản phẩm mới.

❖ Các yếu tố đầu vào

- Ngành hàng các sản phẩm tre ép còn là một lĩnh vực mới ở nước ta nên gặp phải những khó khăn về máy móc, công nghệ, vùng nguyên liệu chưa có quy hoạch đồng bộ và chưa có một cơ chế chính sách hỗ trợ và xúc tiến thương mại cho ngành phù hợp để gắn kết các doanh nghiệp với nhau.

- Hiện nay các đơn vị mục tiêu mà Công ty đang thực hiện việc tái cơ cấu và sáp nhập đã được địa phương quy hoạch diện tích trồng rừng nguyên liệu riêng (Mộc Châu 59.000 ha, Điện Biên 15.000 ha), sau khi hoàn thành kế hoạch sáp nhập mảng tre công nghiệp dự kiến trong năm 2014. Vì vậy, Công ty sẽ có những hạn chế nhất định trong việc chủ động điều tiết đầu vào. Trong dài hạn khi đã phát triển được vùng nguyên liệu của riêng mình Công ty mới thực sự làm chủ được nguyên liệu đầu vào.

b) Chế biến nông sản

❖ Rủi ro cạnh tranh

Nông sản là một trong những lĩnh vực sản xuất truyền thống của nước ta, đặc thù sản xuất đơn giản, rào cản gia nhập ngành thấp, vì vậy, cạnh tranh trong lĩnh vực này khá gay gắt với nhiều doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, nông sản Trung Quốc với khối lượng lớn, giá thành rất thấp cũng gây nhiều sức ép cho các doanh nghiệp trong ngành.

❖ Các yếu tố đầu vào

Các sản phẩm nông sản chịu tác động rất nhiều từ giá thành nguyên liệu đầu vào. Giá nguyên liệu tăng, kéo theo doanh thu và lợi nhuận của công ty bị sụt giảm. Ngoài ra, các loại cây nông nghiệp còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố thời tiết, mùa vụ, dịch bệnh... Đây là những nguyên nhân gây tác động lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Thống Nhất nỗ lực hạn chế những rủi ro này bằng cách mở rộng vùng thu mua nguyên liệu, ký kết hợp tác lâu dài với các hợp tác xã, các hộ dân để đảm bảo nguồn cung cũng như hạn chế sự biến động của giá cả.

c) Lĩnh vực năng lượng

❖ Công nghệ sản xuất:

Đây là lĩnh vực kinh doanh yêu cầu cao đối với chất lượng sản phẩm. Trong đó, công nghệ sản xuất và nhân lực giám sát sản xuất đóng vai trò chủ chốt trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm than hoạt tính theo yêu cầu của đơn đặt hàng. Vì vậy, với sự phát triển không ngừng của công nghệ, yêu cầu đối với sản phẩm cũng gia tăng theo thời gian. Vì vậy, công ty chịu rủi ro đối với hai yếu tố trên: (i) sự thay đổi công nghệ của ngành sản xuất khiến công nghệ sản xuất hiện tại (lò nung nhiệt) của công ty có thể trở nên lạc hậu, tiềm ẩn chi phí sản xuất lớn và khó đảm bảo yêu cầu về chất lượng sản phẩm; (ii) nhân sự thiết kế sản xuất, giám sát chất lượng: hiện tại công ty đang sử dụng các chuyên gia giám sát trong khâu giám sát chất lượng sản phẩm từ Hà Nội vào cơ sở sản xuất, vì vậy chưa chủ động được nhân sự địa phương trong khâu giám sát chất lượng, và có thể dẫn đến không đảm bảo chất lượng sản phẩm trong trường hợp nhân sự này không có mặt. Công ty cần có nhân sự thay thế tại địa phương, cũng như quy

trình sản xuất và giám sát hoàn chỉnh nhằm đảm bảo sản phẩm đạt đúng yêu cầu của thị trường và yêu cầu cụ thể của từng khách hàng.

Rủi ro về môi trường: việc sản xuất than hoạt tính bao gồm quá trình nung nguyên liệu trong lò đốt, vì vậy trong quá trình sản xuất và khai thác nguyên liệu, công ty sẽ cần chú trọng kiểm soát các yếu tố có tác động đến môi trường xung quanh.

❖ Nguyên liệu đầu vào:

Sản xuất than hoạt tính sử dụng nguyên liệu là củi gỗ các loại cây công nghiệp như bạch đàn, keo ... Rủi ro tiềm ẩn đối với công ty là khả năng duy trì nguồn cung đầu vào ổn định và đạt đủ khối lượng yêu cầu đáp ứng sản xuất. Các cây nguyên liệu trên có thời gian trồng và khai thác dài, vì vậy, đối với công ty, trong trường hợp nguồn nguyên liệu không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Công ty do Công ty thiếu nguyên liệu hoặc hết nguyên liệu, việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế là tương đối khó khăn, nhất là với những đơn hàng Công ty được có thời gian ký kết đến khi giao hàng ngắn hơn. Mặt khác, quy hoạch của địa phương về diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp, diện tích đất sử dụng trong công nghiệp, định hướng đối với từng loại cây trồng, cũng có khả năng ảnh hưởng đến các diện tích trồng cây nguyên liệu đối với ngành sản xuất than hoạt tính của Công ty.

d) Xây dựng hạ tầng

❖ Rủi ro dự án hạ tầng

Các dự án xây dựng hạ tầng thường kéo dài từ gần một đến trên hai năm. Do thời gian thực hiện kéo dài và nên hiệu quả thực hiện dự án sẽ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như sự thay đổi quy hoạch, tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ giải ngân của Chủ đầu tư thường chậm, nhu cầu sử dụng vốn lưu động lớn, công nợ phải thu... Vì vậy, việc hoàn thiện các dự án hạ tầng có thể mất nhiều thời gian và nhân lực, ảnh hưởng đến kế hoạch của Công ty khi thực hiện nhiều dự án khác nhau trong cùng một giai đoạn. Mặt khác, với cả dự án ở tỉnh vùng sâu vùng xa, điều kiện địa hình, thời tiết phức tạp có ảnh hưởng đến an toàn lao động, thiết bị, thời gian trong thi công.

❖ Rủi ro nhà thầu

Do Công ty mẹ không trực tiếp thực hiện hoạt động thi công mà giao cho các nhà thầu tại địa phương thực hiện. Chất lượng thi công sẽ do việc thực hiện của các nhà thầu phụ này, tiềm ẩn rủi ro của Công ty trong việc quản lý chất lượng thi công các dự án xây dựng hạ tầng cũng như kiểm soát chi phí thực hiện dự án.

e) Sản xuất vật liệu xây dựng

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể là gạch tuynel của công ty, có đặc điểm là rào cản gia nhập ngành thấp, do công nghệ sản xuất đơn giản, nguồn đất sét dồi dào của khu vực, việc thành lập công ty sản xuất gạch tuynel không chịu rào cản giấy phép hoặc các quy định pháp lý ngặt nghèo, vì vậy, khi ngành sản xuất mang lại lợi suất cao, nhiều doanh nghiệp mới sẽ gia nhập ngành, qua đó tiềm ẩn rủi ro cạnh tranh đối với công ty.

Mặt khác, với nguồn nguyên liệu sản xuất gạch là đất sét, sự ổn định trong dài hạn là yếu tố có thể ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, CTCP Vật liệu xây dựng Thống Nhất Miền trung đã được cấp phép khai thác đất sét trong thời gian 50 năm, giảm thiểu rủi ro nguồn nguyên liệu.

f) Rủi ro sản xuất nhựa – cáp viễn thông

Ngành nhựa chịu sự cạnh tranh trực tiếp của nhựa Trung Quốc và Đài Loan cũng nhưng các công ty sản xuất nhựa lớn trong nước. Mặt khác nguồn nguyên liệu chủ yếu trong ngành nhựa là nguồn nguyên liệu nhập khẩu và có nguồn gốc là tổng hợp từ dầu thô, vì vậy, giá nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng nhất định của giá dầu thô và tỷ giá, tiềm ẩn rủi ro đối với CTCP Nhựa Miền Trung.

g) Kinh doanh đồ gia dụng

Giá cả hàng hoá biến động trong khi hàng gia dụng giá rẻ do Trung Quốc sản xuất tràn vào thị trường Việt Nam với khối lượng lớn và chủng loại đa dạng. Mặt hàng đồ gia dụng nhập khẩu Châu Âu của Công ty chịu ảnh hưởng cạnh tranh từ hàng hoá trên về mặt thị trường và giá.

h) Kinh doanh phân bón – hoá chất

Công ty tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ở khâu thương mại, là trung gian mua bán phân bón – hoá chất. Vì vậy, Công ty chịu rủi ro về sự ổn định nhà cung cấp, về chất lượng hàng bán. Mặt khác, người mua và người bán có thể trực tiếp thực hiện giao dịch, tiềm ẩn rủi ro đối với sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong dài hạn. Bên cạnh đó, biến động giá hoá chất, phân bón có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty.